

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - PT

Ngày 15 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Thanh

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Ngọc Toàn

Ông Lương Văn Đài

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 02/2022/TLPT-HNGĐ ngày 01/8/2022. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 19/2022/HNGĐ-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐ-PT ngày 30/8/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị T

Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Mạnh H

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn B

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

**4. Người kháng cáo:** Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

### ***Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 04/6/2020 chị và anh Nguyễn Mạnh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên đơn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi chửi, xúc phạm lẫn nhau, anh H đã nhiều lần có hành vi đánh chị T. Ngày 10/7/2021, sau khi bị anh H đánh chị T đã về nhà mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị L - Địa chỉ: Bản B, xã B, huyện B sống, còn anh H sống tại nhà bố đẻ là ông Nguyễn Văn B - Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện V. Ngày 27/12/2021, anh H đã đến nơi ở của chị và có những lời nói xúc phạm, đánh gây thương tích khiến cho chị T phải nằm viện điều trị đến ngày 04/01/2022. Mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, anh chị không còn quan tâm đến nhau, đã ly thân khoảng 12 tháng. Vì vậy chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh K - Sinh ngày 04/3/2021. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

### ***Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H trình bày:***

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, quá trình chung sống đúng như chị Nguyễn Thị T đã trình bày là đúng. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh cũng nhất trí ly hôn chị T.

Về con chung: Anh H xác nhận anh và chị T có 01 con chung như chị T trình bày. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống giữa anh H và chị T không có tài sản, công nợ chung nên các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B trình bày:***

Ngày 24/9/2021 chị T có đến nhà ông và xảy ra tranh cãi với anh H là con trai ông. Sau đó chị T bỏ lại cháu Nguyễn Minh K ở trước cổng nhà ông. Do đó ông B và vợ là bà H đã cùng nhau trông nom, chăm sóc cháu Bảo. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T và anh H liên đới trả tiền trông nom, chăm sóc cháu K cho ông, cụ thể là 600.000 đồng/ngày x 274 ngày (từ 24/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 164.400.000 đồng. Chỉ khi chị T và anh H trả tiền cho ông thì ông mới giao cháu K để Tòa án giải quyết quyền được nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn B thì chị Nguyễn Thị T không nhất trí và cho rằng cháu K sống cùng với anh H trong khi anh H sống cùng bố mẹ đẻ nên ông B là ông nội có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc cháu, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Nguyễn Mạnh H nhất trí với yêu cầu của ông B.

Bản án số 19/2022/HNGĐ-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 103, khoản 1 Điều 104 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 227, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh H.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Minh K - Sinh ngày 04/3/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Mạnh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha/mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Bác yêu cầu trả tiền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh K của ông Nguyễn Văn B.

4. Trả cho chị Nguyễn Thị T 01 cái điếu (chi tiết như biên bản giao nhận tài liệu chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện V ngày 21/3/2022).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 30/6/2022 bị đơn anh Nguyễn Mạnh H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần nuôi con khi ly hôn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn Minh K - Sinh ngày 04/3/2021 cho anh Nguyễn Mạnh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung khởi kiện, anh Nguyễn Mạnh H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Mạnh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Mạnh H có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh H đều xác nhận tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và nhất trí ly hôn. Tòa án sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh H. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo về phần này nên quyết định của bản án sơ thẩm về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh H có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Mạnh H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Minh K - Sinh ngày 04/3/2021 đến tuổi trưởng thành:

[3.1] Xét điều kiện vật chất để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung của chị T và anh H:

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện chị T và anh H đều chưa có nhà ở riêng, hiện đang sống chung với bố mẹ đẻ, anh chị đều làm nghề tự do. Chị T trình bày hiện đang kinh doanh online và đi làm thuê, có thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Anh H trình bày hiện anh đi làm thuê có thu nhập khoảng 4.500.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu các đương sự cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện vật chất để nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, các đương sự đều không cung cấp được chứng cứ để chứng minh thu nhập của mình. Tòa án sơ thẩm đã xác minh mức thu nhập bình quân của lao động phổ thông tại địa phương cũng như lấy lời khai của người làm chứng để xem xét điều kiện nuôi con của chị T và anh H. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng lời trình bày về mức thu nhập hàng tháng của chị T và anh H là có căn cứ. Xét về điều kiện vật chất để trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì cả chị T và anh H đều có đủ điều kiện.

Tuy nhiên con chung của chị T và anh H là cháu Nguyễn Minh K - Sinh ngày 04/3/2021, tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm thì cháu K mới được 01 năm 5 tháng 11 ngày. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Xét thấy, giữa chị T và anh H không có thỏa thuận khác về việc nuôi con chung sau khi ly hôn, chị T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định giao cháu Nguyễn Minh K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3.2] Anh H kháng cáo cho rằng chị T không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nhưng anh H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Vì vậy, kháng cáo của anh H là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đối với phần khác của bản án sơ thẩm về việc bác yêu cầu trả tiền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Minh K của ông Nguyễn Văn B và án phí không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tuyên bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Mạnh H phải liên đới trả cho ông B tiền trông nom, chăm sóc giáo dục cháu K là 164.400.000 đồng nhưng lại tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông B là không đúng quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, ông B là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Vì vậy, bản án sơ thẩm lẽ ra phải tuyên miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông B. Bản án sơ thẩm chỉ tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông B là thiếu nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm về phần này. Ngoài ra, quá trình giải quyết đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản là 01 cái địu (theo Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ ngày 21/3/2022) nhưng bản án sơ thẩm tuyên trả cho chị T 01 cái địu là không cần thiết. Mặc dù Hội đồng xét xử phúc thẩm không sửa bản án sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[5] Về án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là anh Nguyễn Mạnh H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Mạnh H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2022/HNGĐ-ST ngày 24/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai về nuôi con khi ly hôn, như sau:

Giao cháu Nguyễn Minh K - Sinh ngày 04/3/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Mạnh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha/mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Mạnh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Mạnh H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-21P, số 0004327 ngày 12/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Thanh**